SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1141 /BV-KD

V/v mời cung cấp báo giá thuốc phục vụ công tác xây dựng danh mục, chủng loại, kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 2027 – 2029.

Phú Thọ, ngày 10 tháng 11 năm 2026

Kính gửi: Các cơ sở sản xuất, xuất nhập khẩu, kinh doanh dược phẩm.

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ đang triển khai các bước chuẩn bị công tác đấu thầu mua sắm thuốc nhằm đảm bảo nhu cầu điều trị, phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh cho giai đoạn 2027 – 2029.

Để có căn cứ xây dựng danh mục, cơ cấu chủng loại và lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 2027 – 2029 phù hợp với tình hình thực tế và diễn biến thị trường, Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ kính mời các đơn vị sản xuất, kinh doanh dược phẩm có năng lực quan tâm, gửi báo giá với các nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục thuốc yêu cầu báo giá:

Chi tiết danh mục hoạt chất, đường dùng của thuốc dự kiến sử dụng tại đơn vị giai đoạn 2027 – 2029 *(theo Phụ lục 01 đính kèm chi tiết)*.

2. Yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ.

- Biểu mẫu báo giá của quý đơn vị cung ứng *(theo phụ lục 02 đính kèm chi tiết)*.

- Yêu cầu về giá: Giá chào đã bao gồm toàn bộ thuế GTGT, các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, bảo quản dây chuyền lạnh (nếu có) đến kho của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ; Đơn vị tham gia báo giá ghi đầy đủ thông tin theo mẫu đính kèm phụ lục 02 và chỉ báo giá theo hoạt chất đính kèm phụ lục 01.

3. Thời gian và phương thức tiếp nhận báo giá:

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày 11/11/2026 đến hết 17h00 ngày 23/11/2026.

Phương thức gửi hồ sơ:

- Bản cứng báo giá: 01 bản chính có ký tên của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của đơn vị; Gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Khoa Dược - Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ; Đường Nguyễn Tất Thành, phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ.

- Bản mềm (bản scan PDF có đầy đủ chữ ký, con dấu và file mềm Excel định dạng chuẩn): Gửi về địa chỉ email: khoaduocsannhipt2023@gmail.com.

Báo giá của các đơn vị gửi về là nguồn tài liệu quan trọng để Bệnh viện thực hiện tham vấn thị trường, phục vụ việc xây dựng danh mục, chủng loại, kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn 2027 - 2029 trước khi đăng tải công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo quy định.

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ trân trọng thông báo và mong nhận được sự phối hợp của các Quý đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Ban GĐ (để B/C);
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH PHÚ THỌ

Phạm Thái Hạ

PHỤ LỤC 01

DANH MỤC HOẠT CHẤT XÂY DỰNG DANH MỤC, CHỦNG LOẠI, KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GIAI ĐOẠN 2027 - 2029

(đính kèm văn bản số 1141 /BV-KD ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ)

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Hoạt chất	Đường dùng	Ghi chú
1	1	Atropin sulfat	Tiêm	
2	2	Bupivacain hydroclorid	Tiêm	
3	3	Desfluran	Dạng hít	
4	6	Etomidat	Tiêm	
5	7	Fentanyl	Tiêm	
6	10	Ketamin	Tiêm	
7	11	Levobupivacain	Tiêm/Tiêm truyền	
8	12	Lidocain hydroclodrid	Dùng ngoài dạng xịt	
9	12	Lidocain hydroclodrid	Bôi ngoài da	
10	13	Lidocain + epinephrin (adrenalin)	Tiêm	
11	14	Lidocain+ prilocain	Bôi ngoài da	
12	15	Midazolam	Tiêm	
13	16	Morphin	Tiêm	
14	20	Proparacain hydroclorid	Nhỏ mắt	
15	21	Propofol	Tiêm	
16	22	Ropivacain hydroclorid	Tiêm	
17	23	Sevofluran	Dạng hít	
18	26	Atracurium besylat	Tiêm	
19	27	Neostigmin metylsulfat (bromid)	Tiêm	
20	30	Rocuronium bromid	Tiêm	
21	31	Suxamethonium clorid	Tiêm	
22	37	Diclofenac	Đặt hậu môn/trực tràng	
23	43	Ibuprofen	Uống	
24	46	Ketorolac	Tiêm	
25	54	Nefopam hydroclorid	Tiêm	
26	56	Paracetamol (acetaminophen)	Đặt hậu môn	
27	56	Paracetamol (acetaminophen)	Tiêm truyền	
28	56	Paracetamol (acetaminophen)	Uống	
29	64	Paracetamol + tramadol	Uống	
30	101	Desloratadin	Uống	
31	103	Diphenhydramin	Tiêm	
32	105	Epinephrin (adrenalin)	Tiêm	
33	106	Fexofenadin	Uống	
34	109	Loratadin	Uống	
35	112	Promethazin hydroclorid	Uống	
36	116	Calci gluconat	Tiêm	
37	118	Deferoxamin	Tiêm	

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Hoạt chất	Đường dùng	Ghi chú
38	121	Ephedrin	Tiêm	
39	126	Glutathion	Tiêm	
40	128	Calci folinat (folinic acid, leucovorin)	Tiêm	
41	129	Naloxon hydroclorid	Tiêm	
42	131	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	Tiêm	
43	134	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	Tiêm	
44	136	Phenylephrin	Tiêm	
45	144	Sugammadex	Tiêm	
46	149	Gabapentin	Uống	
47	151	Levetiracetam	Uống	
48	152	Oxcarbazepin	Uống	
49	153	Phenobarbital	Tiêm	
50	153	Phenobarbital	Uống	
51	155	Pregabalin	Uống	
52	156	Topiramat	Uống	
53	157	Valproat natri	Uống	
54	160	Albendazol	Uống	
55	168	Amoxicilin	Uống	
56	169	Amoxicilin + acid clavulanic	Uống	
57	172	Ampicilin + sulbactam	Tiêm	
58	175	Cefaclor	Uống	
59	177	Cefalexin	Uống	
60	180	Cefazolin	Tiêm	
61	181	Cefdinir	Uống	
62	182	Cefepim	Tiêm	
63	183	Cefixim	Uống	
64	185	Cefoperazon	Tiêm	
65	186	Cefoperazon + sulbactam	Tiêm	
66	187	Cefotaxim	Tiêm	
67	191	Cefpodoxim	uống	
68	193	Ceftazidim	Tiêm	
69	196	Cefiizoxim	Tiêm	
70	198	Ceftriaxon	Tiêm	
71	199	Cefuroxim	Uống	
72	203	Imipenem + cilastatin*	Tiêm	
73	204	Meropenem*	Tiêm	
74	205	Oxacilin	Tiêm	
75	207	Piperacilin + tazobactam	Tiêm	
76	212	Amikacin	Tiêm	
77	213	Gentamicin	Tiêm	
78	216	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Nhỏ mắt	
79	219	Tobramycin + dexamethason	Nhỏ mắt	
80	221	Metronidazol	Tiêm truyền	
81	221	Metronidazol	Uống	

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Hoạt chất	Đường dùng	Ghi chú
82	226	Azithromycin	Tiêm truyền	
83	226	Azithromycin	Uống	
84	227	Clarithromycin	Uống	
85	233	Ciprofloxacin	Tiêm truyền	
86	234	Levofloxacin	Nhỏ mắt	
87	234	Levofloxacin	Tiêm truyền	
88	236	Moxifloxacin	Nhỏ mắt	
89	239	Ofloxacin	Nhỏ mắt	
90	241	Sulfadiazin bạc	Dùng ngoài	
91	245	Sulfamethoxazol + trimethoprim	Uống	
92	250	Tetracyclin hydroclorid	Uống	
93	252	Colistin*	Tiêm	
94	254	Fosfomycin*	Nhỏ tai	
95	255	Linezolid*	Tiêm	
96	259	Vancomycin	Tiêm	
97	267	Tenofovir (TDF)	Uống	
98	280	Aciclovir	Tiêm truyền	
99	280	Aciclovir	Uống	
100	281	Entecavir	Uống	
101	283	Oseltamivir	Uống	
102	284	Ribavirin	Uống	
103	288	Amphotericin B*	Tiêm	
104	296	Fluconazol	Tiêm truyền	
105	314	Nystatin + neomycin + polymyxin B	Đặt âm đạo	
106	316	Hydroxy cloroquin	Uống	
107	348	Bleomycin	Tiêm	
108	377	Methotrexat	Tiêm	
109	414	Triptorelin	Tiêm	
110	418	Ciclosporin	Uống	
111	422	Mycophenolat	Uống	
112	423	Tacrolimus	Uống	
113	448	Sắt ascorbat + acid folic	Uống	
114	449	Sắt fumarat + acid folic	Uống	
115	451	Sắt sulfat + acid folic	Uống	
116	454	Enoxaparin (natri)	Tiêm	
117	456	Heparin (natri)	Tiêm	
118	458	Phytomenadion (vitamin K1)	Tiêm	
119	460	Tranexamic acid	Tiêm	
120	463	Albumin	Tiêm truyền	
121	472	Yếu tố VIII	Tiêm	
122	473	Yếu tố IX	Tiêm truyền	
123	479	Gelatin succinyl + natri clorid + natri hydroxyd	Tiêm truyền	
124	480	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	Tiêm truyền	
125	481	Deferasirox	Uống	

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Hoạt chất	Đường dùng	Ghi chú
126	482	Deferipron	Uống	
127	493	Adenosin triphosphat	Tiêm	
128	494	Amiodaron hydroclorid	Uống	
129	536	Methyldopa	Uống	
130	539	Nicardipin	Tiêm	
131	540	Nifedipin	Uống	
132	554	Dobutamin	Tiêm	
133	555	Dopamin hydroclorid	Tiêm	
134	557	Milrinon	Tiêm	
135	587	Iloprost	Tiêm	
136	609	Clotrimazol	Dùng ngoài	
137	610	Clobetasol propionat	Dùng ngoài	
138	624	Fusidic acid + betamethason	Dùng ngoài	
139	630	Mupirocin	Dùng ngoài	
140	637	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Dùng ngoài	
141	642	Tyrothricin	Dùng ngoài	
142	648	Bari sulfat	Uống	
143	650	Gadobenic acid (dimeglumin)	Tiêm	
144	651	Gadobutrol	Tiêm	
145	652	Gadoteric acid	Tiêm	
146	653	lobitridol	Tiêm	
147	656	lopamidol	Tiêm	
148	664	Povidon iodin	Dùng ngoài	
149	667	Furosemid	Tiêm	
150	670	Spironolacton	Uống	
151	673	Bismuth	Uống	
152	683	Esomeprazol	Tiêm	
153	683	Esomeprazol	Uống	
154	685	Rabeprazol	Uống	
155	694	Ondansetron	Tiêm	
156	694	Ondansetron	Uống	
157	699	Drotaverin clohydrat	Tiêm	
158	708	Glycerol	Thụt trực tràng	
159	709	Lactulose	Uống	
160	713	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Thụt trực tràng	
161	717	Bacillus subtilis	Uống	
162	724	Kẽm gluconat	Uống	
163	728	Racecadotril	Uống	
164	729	Saccharomyces boulardii	Uống	
165	736	L-Omithin - L- aspartat	Tiêm truyền	
166	738	Octreotid	Tiêm	
167	744	Ursodeoxycholic acid	Uống	
168	747	Betamethason	Dùng ngoài	

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Hoạt chất	Đường dùng	Ghi chú
169	747	Betamethasone (Betamethasone dipropionate) + Betamethasone (dưới dạng Betamethasone disodium phosphate)	Tiêm	
170	749	Dexamethason	Tiêm	
171	754	Hydrocortison	Bôi ngoài da	
172	754	Hydrocortison	Uống	
173	755	Methyl prednisolon	Tiêm	
174	763	Dydrogesteron	Uống	
175	774	Progesteron	Uống/Đặt âm đạo	
176	786	Insulin analog tác dụng nhanh, ngắn (Aspart, Lispro, Glulisine)	Tiêm dưới da	
177	789	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	Tiêm	
178	790	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	Tiêm	
179	795	Metformin	Uống	
180	804	Levothyroxin (muối natri)	Uống	
181	810	Immune globulin	Tiêm truyền	
182	874	Fluticason furoat	Xịt mũi	
183	883	Xylometazolin	Nhỏ mũi	
184	884	Carbetocin	Tiêm	
185	885	Carboprost tromethamin	Tiêm	
186	886	Dinoproston	Đặt âm đạo	
187	888	Methyl ergometrin maleat	Tiêm	
188	889	Oxytocin	Tiêm	
189	891	Misoprostol	Uống	
190	892	Atosiban	Tiêm	
191	897	Dung dịch lọc máu liên tục (có hoặc không có chống đông bằng citrat; có hoặc không có chứa lactat)	Tiêm truyền	
192	900	Diazepam	Uống	
193	910	Clorpromazin	Uống	
194	922	Risperidon	uống	
195	933	Methylphenidate hydrochloride	Uống	
196	942	Citicolin	Tiêm	
197	949	Piracetam	Uống	
198	953	Budesonid	Hít qua máy khí dung	
199	960	Natri montelukast	Uống	
200	962	Salbutamol sulfat	Khí dung	
201	963	Salbutamol + ipratropium	Đường hô hấp	
202	964	Salmeterol + fluticason propionat	Hít qua đường miệng	
203	968	Ambroxol	Uống	
204	977	N-acetylcystein	Uống	
205	980	Cafein citrat	Tiêm	
206	982	Surfactant (Phospholipid chiết xuất từ phổi lợn	Bơm ống nội khí	

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Hoạt chất	Đường dùng	Ghi chú
		hoặc phổi bò; hoặc chất điện hoạt chiết xuất từ phổi bò (Bovine lung surfactant))	quản	
207	983	Kali clorid	Uống	
208	985	Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat + Glucose khan	Uống	
209	987	Acid amin*	Tiêm truyền	
210	990	Acid amin + glucose + lipid (*)	Tiêm truyền	
211	991	Calci clorid	Tiêm	
212	992	Glucose	Tiêm truyền	
213	993	Kali clorid	Tiêm	
214	994	Magnesi sulfat	Tiêm	
215	996	Manitol	Tiêm truyền	
216	997	Natri clorid	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	
217	999	Nhũ dịch lipid	Tiêm truyền	
218	1002	Natri clorid + natri lactat + kali clorid + calcium clorid + glucose (Ringer lactat + glucose)	Tiêm truyền	
219	1003	Nước cất pha tiêm	Tiêm	
220	1006	Calci carbonat + calci gluconolactat	Uống	
221	1008	Calci lactat	Uống	
222	1018	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	Uống	
223	1019	Sắt clorid + kẽm clorid + mangan clorid + đồng clorid + crôm clorid + natri molypdat dihydrat + natri selenid pentahydrat + natri fluorid + kali iodid	Tiêm truyền	
224	1022	Vitamin A + D2	Uống	
225	1023	Vitamin B1	Tiêm	
226	1024	Vitamin B1 + Vitamin B6 + Vitamin B12	Uống	
227	1030	Vitamin B12 (cyanocobalamin, hydroxocobal amin)	Tiêm	
228	1034	Vitamin E	Uống	
229		Zinc gluconat + Đồng gluconat + Mangan gluconat + Kali iodid + Natri selenit	Tiêm truyền	

PHỤ LỤC 02

Đơn vị: ……
Địa chỉ: ……
Số ĐT liên hệ:……
Địa chỉ email: ……

BẢNG BÁO GIÁ DANH MỤC THUỐC

Kính gửi: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ

(đính kèm văn bản số 1141 /BV-KD ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ)

STT	STT theo TT 20/2022/TT-BYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm TCKT	Hạn dùng (tháng)	GĐKLH hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến (VND)	Giá trúng thầu tham khảo
1															
2															
3															
4															

……, ngày tháng 11 năm 2026

Ghi chú:……	**Thủ trưởng đơn vị** *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú: *- Các đơn vị điền đầy đủ thông tin theo biểu mẫu.*

- STT theo TT 20/2022/TT-BYT điền đầy đủ STT theo danh mục haotj chất của bệnh viện.